

TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÁCH XÃ HỘI DOANH NGHIỆP THEO TCVN ISO 26000:2013 ĐẾN RỦI RO VỠ NỢ CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT PHI TÀI CHÍNH TẠI VIỆT NAM

● PHẠM MINH VƯƠNG¹ - NGUYỄN THỊ YẾN NHI¹

¹Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508001>

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa mức độ công bố trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) và rủi ro vỡ nợ tại các doanh nghiệp (DN) phi tài chính niêm yết trên sàn HOSE tại Việt Nam. Mặc dù báo cáo CSR đã phổ biến tại các quốc gia phát triển, nhưng tại Việt Nam, vấn đề này còn khá mới mẻ và ít được nghiên cứu, đặc biệt là mối liên hệ với rủi ro vỡ nợ. Dựa trên tiêu chuẩn quốc gia ISO 26000 (TCVN ISO 26000:2013), bài nghiên cứu xây dựng thang đo về mức độ công bố CSR. Kết quả nghiên cứu từ dữ liệu thu thập được của 204 DN phi tài chính trong vòng 8 năm (2016-2023) cho thấy DN càng quan tâm nhiều hơn tới trách nhiệm xã hội đối với môi trường, xã hội và con người thì càng góp phần làm giảm rủi ro vỡ nợ.

Từ khóa: trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, rủi ro vỡ nợ, TCVN ISO 26000:2013.

1. Đặt vấn đề

Khái niệm và quy định về trách nhiệm xã hội của DN (CSR) đã phát triển mạnh mẽ từ khi được Bowen đề cập lần đầu vào năm 1953. CSR đang ngày càng trở thành chuẩn mực hoạt động quan trọng để thu hút nhà đầu tư và củng cố mối quan hệ với các bên liên quan. Sự gia tăng vai trò và ảnh hưởng của CSR đối với tài chính DN (DN) đã thúc đẩy các nghiên cứu học thuật và sự quan tâm của nhà quản lý. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tác động tích cực của CSR đến tài chính DN, như: Rizwan et. al. (2017), Suto & Takehara (2018), Xu et. al. (2021), Ratajczak & Mikolajewicz (2021).

Bên cạnh đó, các hoạt động của DN luôn tiềm ẩn các rủi ro, một trong số đó là rủi ro vỡ nợ

(RRVN). Việc đánh giá RRVN là yếu tố then chốt đối với DN và nhiều nghiên cứu đã tập trung vào việc dự báo và đo lường RRVN. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các công ty có hoạt động CSR mạnh mẽ thường có RRVN thấp hơn (Rizwan et. al., 2017). Việc công bố thông tin CSR minh bạch giúp giảm chi phí nợ và tăng cường khả năng tiếp cận vốn vay dài hạn (Xu et. al., 2021). Hơn nữa, mức độ công bố CSR cao có thể giúp DN tăng lợi nhuận, cải tiến hiệu suất hoạt động và giảm chi phí sử dụng nợ, dẫn đến RRVN thấp hơn Atif & Ali (2021). Tại Việt Nam, các nghiên cứu về chủ đề này có thể kể đến như của Trần Triệu Anh Khoa (2021) hay Nguyễn Thị Hoa Hồng (2022). Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu sử dụng

thang đo về công bố theo Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI); một điều đáng lưu ý là hướng dẫn của GRI thường liên hệ với khái niệm về phát triển bền vững hơn là CSR.

Do đó, tác giả thực hiện nghiên cứu này nhằm giới thiệu một thang đo về công bố CSR phù hợp hơn, cũng như kiểm chứng lại tác động của việc công bố thông tin này đối với RRVN.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Trách nhiệm xã hội (CSR)

CSR là sự cam kết của DN trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế một cách lâu dài. Các cam kết về CSR thể hiện qua việc DN chủ động thực hiện các hoạt động, nhằm: bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo bình đẳng giới trong môi trường làm việc, tuân thủ các quy định về an toàn lao động, tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động, xây dựng chính sách lương thưởng công bằng và minh bạch, đầu tư vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tham gia vào các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương... (Suto & Takehara, 2018). Những hoạt động này được thực hiện theo phương châm không chỉ đơn thuần có trách nhiệm tạo ra lợi nhuận kinh tế, mà còn phải có nghĩa vụ đối với cộng đồng, thông qua các hành động đạo đức để đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội. Mô hình “Kim tự tháp” nổi tiếng của Carroll (1991) đề cập sự cần thiết của DN trong việc đáp ứng các cấp độ trách nhiệm về CSR khác nhau, bao gồm: kinh tế, pháp lý, đạo đức và thiện nguyện. Mặc dù CSR ngày càng phổ biến, nhưng hiện vẫn chưa có sự thống nhất về khái niệm, nội dung và cách đo lường mức độ công bố CSR.

Nghiên cứu này lựa chọn tiêu chuẩn quốc gia ISO 26000 (TCVN ISO 26000:2013) - Hướng dẫn trách nhiệm xã hội để làm cơ sở đánh giá CSR do tính toàn diện và khả năng ứng dụng rộng rãi của nó. Việc áp dụng ISO 26000 giúp DN nâng cao nhận thức về CSR, cải thiện mối quan hệ với các bên liên quan và giảm thiểu rủi ro vỡ nợ (RRVN). Theo tinh thần của ISO 26000, nghiên cứu chia CSR thành các chủ đề chính, bao gồm: (1) Quản trị tổ chức, (2) Quyền con người, (3) Thực hành lao

động, (4) Môi trường, (5) Thực tiễn hoạt động công bằng, (6) Vấn đề người tiêu dùng và (7) Sự tham gia và phát triển của cộng đồng. Từ đó, nghiên cứu mong muốn đưa ra đánh giá chính xác và toàn diện về tác động của CSR đối với RRVN của các DN niêm yết tại Việt Nam.

2.2. Rủi ro vỡ nợ

Vỡ nợ là tình trạng DN không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đáo hạn. Theo Luật Phá sản 2014, phá sản được tuyên bố bởi Tòa án sau khi DN không thanh toán nợ trong 3 tháng kể từ ngày đến hạn. Theo Merton (1974), vỡ nợ xảy ra khi giá trị tài sản thấp hơn nghĩa vụ tài chính. Nguyên nhân vỡ nợ khá đa dạng bao gồm quản lý sai lầm, thất bại thu hồi vốn hoặc các sự kiện bất khả kháng, từ đó khiến DN khó khăn huy động vốn, buộc phải phá sản tài sản và có thể gây ảnh hưởng đến nền kinh tế rộng lớn như trường hợp Lehman Brothers, Argentina hay Hy Lạp.

2.3. Lý thuyết nền

2.3.1. Lý thuyết các bên liên quan

Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory) nhấn mạnh, DN không chỉ tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông mà còn phải cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác (Freeman, 1984). Các bên liên quan bao gồm các đối tượng bên trong (chủ sở hữu, người lao động, ban quản lý) và bên ngoài (khách hàng, chính phủ, nhà cung cấp, cộng đồng,...) DN. Theo đó, công bố CSR giúp DN thực hiện trách nhiệm với các bên liên quan, xã hội và môi trường, góp phần tạo ra sự tăng trưởng trong dài hạn (Wang & Chen, 2022). Nếu DN không xem xét lợi ích của các bên liên quan, họ có thể phải đối mặt với sự phản đối, cản trở kinh doanh hoặc kiện tụng, làm tăng chi phí hoạt động (McGuire et al., 1988). Lý thuyết này là nền tảng quan trọng trong quản trị DN và đạo đức kinh doanh, với sự khẳng định cần cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan là nhiệm vụ quan trọng giúp DN duy trì quan hệ hợp tác, tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển trong môi trường kinh doanh hiện đại.

2.3.2. Lý thuyết đại diện

Lý thuyết đại diện (Agency Theory) tập trung vào mối quan hệ giữa cổ đông (bên ủy quyền) và nhà quản lý (bên đại diện), nhằm kiểm soát xung

đột lợi ích và chi phí đại diện (Jensen & Meckling, 1976). Khi mục tiêu giữa hai bên khác nhau, nhà quản lý có thể đưa ra quyết định không tối ưu cho cổ đông, làm tăng chi phí giám sát và giảm hiệu quả hoạt động. Lý thuyết này đề xuất các cơ chế kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quản lý hoạt động vì lợi ích của cổ đông.

2.3.3. Lý thuyết tín hiệu

Lý thuyết tín hiệu (Signaling Theory) giải thích cách DN chủ động công bố thông tin để giảm bất đối xứng thông tin và thu hút đầu tư. Ross (1977), bằng việc mở rộng lý thuyết ban đầu dành cho thị trường lao động vào lĩnh vực tài chính, chỉ ra rằng DN hoạt động tốt sẽ công bố thông tin về các thành tựu đạt được để nâng cao niềm tin thị trường. Verrecchia (1983) cũng khẳng định, công bố thông tin đầy đủ và minh bạch giúp DN thu hút đầu tư. Trong tài chính DN, công bố thông tin CSR là tín hiệu quan trọng, giúp DN nâng cao uy tín và giá trị thị trường (Connelly et. al., 2011). Khi công bố nhiều hơn mức bắt buộc, DN cho thấy một cam kết mạnh mẽ với phát triển dài hạn và trách nhiệm xã hội.

2.4. Thực trạng việc thực hiện trách nhiệm xã hội

Khi Việt Nam gia nhập các Hiệp định tự do thương mại như AFTA, EVFTA, hay RCEP đã tạo cơ hội cho DN trong nước mở rộng thị trường xuất khẩu. Ngoài chất lượng sản phẩm, DN cần đáp ứng các tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc và CSR. Vì thế, ngày càng nhiều DN nhận thấy lợi ích của CSR và chủ động áp dụng các tiêu chuẩn này.

Tại Việt Nam, công bố thông tin về CSR đang trở thành yêu cầu bắt buộc, đặc biệt với DN niêm yết. Thông tư số 96/2020/TT-BTC (thay thế Thông tư số 155/2015/TT-BTC), có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, yêu cầu DN công bố thông tin về tác động về môi trường và xã hội, giúp nâng cao tính minh bạch tài chính và bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư. Để thực hiện các yêu cầu về công bố một cách có hệ thống, các DN có thể tìm đến các hướng dẫn như ISO - 26000 (TCVN ISO 26000:2013). Đây là hướng dẫn giúp DN hiểu rõ trách nhiệm xã hội và các tiêu chí cần công bố một cách chi tiết. Quy chuẩn này hỗ trợ DN

chuyển đổi nguyên tắc CSR thành hành động cụ thể và khuyến khích báo cáo loại hoạt động này với các bên liên quan.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Giả thiết nghiên cứu

Công bố CSR giúp cải thiện tính minh bạch và giảm bất cân xứng về thông tin giữa DN với các đối tượng bên ngoài, từ đó góp phần giảm RRVN. Việc công khai thông tin CSR không chỉ giúp xây dựng lòng tin, nâng cao hình ảnh DN, mà còn giúp tuân thủ các quy định pháp lý, giảm thiểu rủi ro tài chính và pháp lý (Rizwan et. al., 2017) và duy trì doanh thu ổn định (Xu et. al., 2021). Các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng công bố CSR có tác động ngược chiều với rủi ro phi hệ thống, nhưng tỷ lệ thuận với rủi ro hệ thống (Benlemlih et. al., 2016). Ngoài ra, thực hiện tốt CSR giúp DN tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp hơn (El Ghouli et. al., 2011). Từ những kết quả nghiên cứu nói trên, giả thuyết nghiên cứu được hình thành như sau:

H1: Với các yếu tố khác không thay đổi, công bố thông tin CSR có tác động ngược chiều đến rủi ro vỡ nợ.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Để kiểm tra giả thuyết H1 và kế thừa từ các nghiên cứu của Shahrour et. al. (2021), Boubaker et. al. (2020), và Chang et. al. (2019), mô hình nghiên cứu sau được thiết lập:

$$\begin{aligned} ZSCORE_{it} = & \beta_0 + \beta_1 CSR_{it} + \beta_2 SIZE_{it} \\ & + \beta_3 ROA_{it} + \beta_4 MB_{it} + \beta_5 LEV_{it} \\ & + \beta_6 CASH_{it} + \beta_7 QUICK_{it} + \beta_8 RD_{it} \\ & + \beta_9 LOSS_{it} + \beta_{10} IND_{it} + \varepsilon_{it} \end{aligned}$$

Trong đó: ZSCORE: là Rủi ro vỡ nợ của DN được đo bằng Z-Score của Altman. CSR là mức độ công bố CSR được theo các mục cụ thể trong 7 chủ đề CSR theo hướng dẫn của TCVN ISO 26000:2013 (Tổng cộng 44 mục). Theo đó các mục có công bố được chấm 1 điểm, ngược lại sẽ nhận 0 điểm. SIZE là logarit cơ số tự nhiên của tổng tài sản. ROA là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản. MB là tỷ lệ giá trị thị trường trên giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu. LEV là tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản. CASH là tỷ lệ tiền và tương đương tiền trên tổng tài sản. QUICK là tỷ lệ tiền và các khoản phải thu ngắn hạn trên nợ ngắn

hạn. RD là tỷ lệ quỹ đầu tư và phát triển trên tổng tài sản. LOSS - nhận giá trị 1 nếu lỗ tại năm hiện hành, ngược lại nhận giá trị 0. IND là kiểm soát về ngành của các DN. ε_{it} là sai số của mô hình.

3.3. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của 204 DN phi tài chính niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE liên tục từ năm 2018 đến năm 2023. Sau khi loại bỏ các DN không đáp ứng tiêu chí như không niêm yết liên tục, thuộc lĩnh vực tài chính hoặc thiếu thông tin báo cáo, sẽ góp phần nâng cao tính đồng nhất của mẫu nghiên cứu. Dữ liệu CSR được thu thập từ Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững, dữ liệu tài chính được tổng hợp từ báo cáo tài chính. Thông tin thị trường được lấy từ một số website về tài chính như Cafef hay Vietstock. Dữ liệu nghiên cứu cuối cùng ở dạng bảng cân bằng gồm 204 DN, với tổng cộng 1.632 quan sát.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả kiểm định

Kết quả kiểm định Wald (Prob > chi2 = 0,0000) và kết quả kiểm định Wooldrige (Prob > F = 0,0301) cho thấy mô hình nghiên cứu đề xuất tồn tại hiện tượng phương sai sai số thay đổi và hiện tượng tự tương quan. Vì thế, để khắc phục các khuyết tật của mô hình, phương pháp ước lượng FGLS sẽ được sử dụng như đề xuất của Wooldridge (2015). (Bảng 1)

4.2. Thảo luận kết quả

Kết quả từ Bảng 2 cho thấy CSRĐ có tương quan đồng biến Z-SCORE (hệ số tương quan 0,01229 > 0) và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Điều này xác nhận DN càng quan tâm tới trách nhiệm xã hội của mình đối với môi trường, xã hội, con người sẽ càng làm giảm rủi ro vỡ nợ. Kết quả nghiên cứu cũng tương đồng với Shahrour et. al. (2021), Boubaker et. al. (2020) và Chang et. al. (2019). Từ đó, chúng ta chấp nhận giả thiết nghiên cứu (H1).

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng ghi nhận các biến kiểm soát có tác động đến RRVN của DN. Trong đó, các biến ROA, MB, CASH và QUICK có tác

Bảng 1. Bảng tóm tắt kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu

Kiểm định	Kết quả	
Kiểm định tương quan	< $\pm 0,8$	
Kiểm định đa cộng tuyến	VIF tối đa là 1.95, VIF trung bình là 1.36	
Kiểm định lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp	FEM	Kiểm định F Kiểm định Hausman
Kiểm định phương sai sai số thay đổi	Prob > chi2 = 0,0000	Kiểm định Wald
Kiểm định tự tương quan	Prob > F = 0,0301	Kiểm định Wooldrige

Bảng 2. Kết quả hồi quy của 2 mô hình nghiên cứu (trích xuất những biến có ý nghĩa thống kê)

Biến độc lập	P-Value	Hệ số hồi quy
CSRĐ	0,000	0,01229
SIZE	0,000	-0,21881
ROA	0,000	9,08367
MB	0,000	0,79623
LEV	0,000	-2,66037
CASH	0,007	0,41274
QUICK	0,000	0,24127
RD	0,000	1,77466
LOSS	0,190	0,05566
IND	0,001	-0,02774
Biến phụ thuộc: Z-SCORE		

động đồng biến còn các biến SIZE, LEV và IND có tác động nghịch biến với biến ZSCORE đại diện cho RRVN. Biến LOSS không có các tác động đối với RRVN.

5. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá ảnh hưởng của công bố trách nhiệm xã hội DN (CSR) đối với rủi ro vỡ nợ (RRVN) của các DN niêm yết

phi tài chính tại Việt Nam trong giai đoạn 2016-2023. Sử dụng phương pháp hồi quy FGLS để phân tích tác động của mức độ công bố CSR (dựa trên TCVN ISO 26000:2013) đến RRVN (đo theo đo bằng Z-Score của Altman). Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc công bố thông tin CSR có tác động giảm thiểu RRVN. Từ kết quả này, các tác giả cũng đưa

ra một số khuyến nghị cho các bên liên quan. Đối với DN, cần chú trọng phát triển và triển khai hiệu quả các hoạt động CSR một cách có hệ thống. Đối với cơ quan nhà nước, cần ban hành các tiêu chuẩn và quy định rõ ràng về báo cáo CSR. Đối với nhà đầu tư, cần xem xét thông tin CSR bên cạnh báo cáo tài chính khi đưa ra quyết định đầu tư ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (2013). TCVN ISO 26000:2013: Hướng dẫn trách nhiệm xã hội.
- Bộ Tài chính (2020). Thông tư số 96/2020/TT-BTC V/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Nguyễn Thị Hoa Hồng (2022). Công bố trách nhiệm xã hội và rủi ro trong doanh nghiệp: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân Hàng*, 242, 47.
- Quốc hội nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014). Luật số 2201451/2014/QH13: Luật Phá sản.
- Trần Triệu Anh Khoa (2021). Tác động của trách nhiệm xã hội đến rủi ro kiệt quệ tài chính doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á*, 192, 3.
- Archie B. Carroll (1991). The pyramid of corporate social responsibility: Toward the moral management of organizational stakeholders. *Business Horizons*, 34(4), 39-48.
- Atif, M. and Ali, S. (2021). Environmental, social and governance disclosure and default risk, *Business Strategy and the Environment*, 30(8), 3937-3959.
- Benlemlih M., Shaukat A., Qiu Y. & Trojanowski G. (2016). Environmental and Social Disclosures and Firm Risk. *Journal of Business Ethics*, 152, 613-626.
- Brian L. Connelly, Trevis Certo, R. Duane Ireland & Christopher R. Reutzel (2011). Signaling Theory: A Review and Assessment. *Journal of Management*, 37(1), 39-67.
- Boubaker, S., Cellier, A., Manita, R., & Saeed, A. (2020). Does corporate social responsibility reduce financial distress risk? *Economic Modelling*, 91, 835-851.
- Chang, C. H., Yu, S. T., & Chen, Y. M. (2019). Corporate social responsibility and corporate financial performance: The role of information asymmetry. *Journal of Business Research*, 98, 203-211.
- El Ghouli, S., Guedhami, O., Kwok, C. J., & Mishra, D. (2011). Does corporate social responsibility affect the cost of capital? *Journal of Banking & Finance*, 35(9).
- Freeman, R. E. (1984). *Strategic Management: A Stakeholder Approach*. Boston, Pitman.
- Howard R. Bowen (1953). *Social Responsibilities of the Businessman*. New York, Harper.
- Jean B. McGuire, Alison Sundgren, Thomas Schneeweis (1988). Corporate Social Responsibility and Firm Financial Performance. *The Academy of Management Journal*, 31(4), 854-872.
- Jensen, M. C., & Meckling, W. H. (1976). Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs, and ownership structure. *Journal of Financial Economics*, 3(4), 305-360.
- Merton, R. C. (1974). On the Pricing of Corporate Debt: The Risk Structure of Interest Rates. *Journal of Finance*, 29, 449-470.
- Ratajczak, P. and Mikolajewicz, G. (2021). The impact of environmental, social and corporate governance responsibility on the cost of short-term and long-term debt, *Economics and Business Review*, 7(21), 74-96.
- Rizwan, M.S., Obaid, A. and Ashraf, D. (2017). The Impact of Corporate Social Responsibility on Default Risk: Empirical Evidence from US Firms, *Business & Economic Review*, 9(3), 36-70.

- Robert E. Verrecchia (1983). Discretionary disclosure. *Journal of Accounting and Economics*, 5, 179-194.
- Ross, S. A. (1977). The economic theory of agency and information. *The American Economic Review*, 67(2), 253-257.
- Shahrour, M.H., Isabelle Girerd-Potin, I. & Taramasco, O. (2021). Corporate social responsibility and firm default risk in the Eurozone: a market-based approach. *Managerial Finance*, 47(7), 975-997.
- Suto, M. and Takehara, H. (2018). *Corporate Social Responsibility and Corporate Finance in Japan*. Singapore, Springer Nature.
- Wang, H., & Chen, Z.-X. (2022). Corporate social responsibility and job applicant attraction: A moderated-mediation model. *PLoS One*, 17(3), e0260125.
- Wooldridge, J.M. (2015). *Introductory Econometrics: A Modern Approach*. Nelson Education, Toronto, Canada.
- Xu, H., Xu, X. and Yu, J. (2021). The Impact of Mandatory CSR Disclosures on the Cost of Debt Financing: Evidence from China, *Emerging Markets Finance and Trade*, 58(8), 2191-2205.

Ngày nhận bài: 12/12/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/12/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/1/2025

THE IMPACT OF CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY DISCLOSURE UNDER TCVN ISO 26000:2013 ON DEFAULT RISK IN NON-FINANCIAL LISTED COMPANIES IN VIETNAM

● PHAM MINH VUONG¹

● NGUYEN THI YEN NHI¹

¹Faculty of Accounting - Auditing,
Ho Chi Minh City Open University

ABSTRACT:

This study investigates the relationship between the level of corporate social responsibility (CSR) disclosure and default risk among non-financial enterprises listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) in Vietnam. While CSR reporting is well established in developed economies, it remains relatively nascent and underexplored in Vietnam, particularly in relation to corporate financial stability. Using the national standard ISO 26000 (TCVN ISO 26000:2013), the study develops a comprehensive measurement scale to assess CSR disclosure. Based on panel data from 204 non-financial enterprises over the 2016 - 2023 period, the findings reveal a negative association between CSR disclosure - especially in areas concerning environmental, social, and individual responsibility - and default risk. The results suggest that enhancing CSR practices not only fulfills ethical obligations but also serves as a strategic tool to mitigate financial distress and improve long-term corporate resilience.

Keywords: corporate social responsibility, default risk, TCVN ISO 26000:2013.